

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2020/DS-ST

Ngày 13-11-2020

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc**

2. Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Bổng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 551/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 387/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 488/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Huỳnh A**, sinh năm 1964 (Có mặt). Trú tại: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1971 (Có mặt) và bà **Đào Kim D**, sinh năm 1973 (Có mặt). Trú tại: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thúy S**, sinh năm 1967 (Vắng mặt); Trú tại: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Trần Huỳnh A** trình bày: Bà **Đào Kim D** cùng chồng là ông **Nguyễn Xuân D**, có hỏi vay tiền của bà diễn ra nhiều lần, tính đến ngày 28/12/2016 âm lịch bà D và ông D còn nợ bà số tiền 90.000.000 đồng. Từ thời điểm ngày 03/02/2017 âm lịch đến ngày 04/6/2018 âm lịch, bà D và ông D trả

được số tiền 39.500.000 đồng. Đến ngày 29/12/2019 âm lịch, bà D và ông D trả tiếp số tiền 10.000.000 đồng, bà D và ông D còn nợ lại số tiền 40.500.000 đồng. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ lại 40.500.000 đồng.

Bị đơn bà **Đào Kim D** trình bày: Vào ngày 28/12/2010, bà Nguyễn Thúy S (chị chồng bà D) do bận công việc, điện thoại nhờ bà đến gặp bà Huỳnh A để nhận số tiền 139.000.000 đồng (có làm biên nhận). Sau đó, bà đã giao lại số tiền trên cho bà S (được bà Huỳnh A xác nhận ngày 06/11/2018 âm lịch). Tiếp đó, bà S do điều kiện làm ăn bận rộn, bà S gửi tiền nhiều lần về, để cho bà trả thay cho bà S (có làm biên nhận). Đến ngày 28/12/2016 âm lịch bà Sen có điện thoại, nhờ bà đến gặp bà Huỳnh A để chốt các lần trả nợ được 49.000.000 đồng (có biên nhận). Nhưng, khi xem lại biên nhận thì thấy bà Huỳnh A ghi bà nợ, nên bà không đồng ý. Bà có liên hệ, thì bà S yêu cầu bà Huỳnh A xác nhận lại bà S nợ, đồng thời khi có tiền gửi về, bà D đem trả thay cho bà S. Đến nay, bà S còn nợ bà Huỳnh A số tiền 40.500.000 đồng. Bà S phải có nghĩa vụ trả khoản tiền này cho bà Huỳnh A. Bị đơn, không có giao dịch vay tiền gì với bà Huỳnh A, đồng thời các lần nhận và trả tiền cho bà Huỳnh A thì bị đơn chỉ làm thay cho bà S.

Bị đơn ông **Nguyễn Xuân D** trình bày: Việc, bà Đào Kim D được bà Nguyễn Thúy S (chị của ông D) nhờ nhận tiền thay của bà Huỳnh A thì ông D không biết. Ông D xác định, không có ký tên bất cứ giấy tờ hoặc có giao dịch vay mượn tiền gì với bà Huỳnh A. Nên, ông D không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Huỳnh A, đồng thời yêu cầu Tòa án đình chỉ tư cách bị đơn của ông D trong vụ án trên.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thúy S**. Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng, niêm yết đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Nhưng, bà S vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Huỳnh A, buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim

D có trách nhiệm trả cho bà Trần Huỳnh A số tiền 40.500.000 đồng. Bị đơn ông D và bà D còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Huỳnh A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông D và bà D trả khoản tiền vay 40.500.000 đồng, đồng thời nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thờ, huyện Trần Văn Thờ. Nên, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thờ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy S, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[4] Tại, phiên tòa phía bà D và ông D không đồng ý trả cho bà Huỳnh A khoản tiền 40.500.000 đồng, vì ông bà cho rằng bà Huỳnh A đã có xác nhận bà S là người vay khoản tiền 139.000.000 đồng, nhưng phía bà Huỳnh A không đồng ý, bà chỉ yêu cầu bà D và ông D có trách nhiệm trả. Xét, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, do bà Huỳnh A và bà D, ông D cung cấp, thì bà D là người nhận khoản tiền 139.000.000 đồng, bà S không có nhận khoản tiền này từ bà Huỳnh A. Khi đối chiếu khoản tiền 49.000.000 đồng (từ khoản tiền 139.000.000 đồng), bà S không có trực tiếp đối chiếu, mà chính bà D trực tiếp đối chiếu với bà Huỳnh A. Đồng thời, các lần trả khoản tiền 49.500.000 đồng, bà S không có trực tiếp trả, mà chính bà D lại là người trực tiếp trả tiền cho bà Huỳnh A. Tại phiên tòa, bà D và ông D cho rằng ông bà nhận thay khoản tiền 139.000.000 đồng giao lại cho bà S, nhưng bà D, ông D lại không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, khoản nợ 40.500.000 đồng, mà bà D còn thiếu bà Huỳnh A là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên bà Huỳnh A yêu cầu bà D và ông D có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp tại khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà D và ông D cho rằng khoản nợ 139.000.000 đồng, ông, bà đã nhận thay cho bà S, thì bà D và ông D có quyền khởi kiện đối với bà S ở vụ án khác.

[5] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thờ nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử, nên có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông D, bà D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 2.025.000 đồng (40.500.000 đồng x 5% = 2.025.000 đồng). Bà Huỳnh A được hoàn lại số tiền 1.013.000 đồng tại biên lai thu số 0004156 ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Huỳnh A đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim D.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim D có trách nhiệm trả cho bà Trần Huỳnh A số tiền 40.500.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng). “Kể từ ngày bà Trần Huỳnh A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim D không thi hành xong khoản tiền trên, ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả”.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân D, bà Đào Kim D phải nộp án phí số tiền 2.025.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng, chưa nộp). Bà Trần Huỳnh A được hoàn lại số tiền 1.013.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu không trăm mười ba ngàn đồng) tại biên lai thu số 0004156 ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (03b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thành Quang